

BỘ 5 ĐỀ ÔN TẬP TOÁN LỚP 5 CHỌN LỌC MỚI NHẤT

1. ĐỀ ÔN TẬP TOÁN LỚP 5 - ĐỀ SỐ 1

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Số thập phân gồm 3 chục, 6 đơn vị, 5 phần mười và 2 phần nghìn được viết là:

A. 36,52 B. 345,2 C. 3,452 D. 36,502

2. Số thập phân 512,49 được đọc là:

- A. Năm một hai phẩy bốn chín.
- B. Năm trăm mười hai phẩy bốn chín.
- C. Năm trăm mười hai phẩy bốn mươi chín.
- D. Năm mười hai phẩy bốn mươi chín.

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Một hình tròn có đường kính là 7,2dm. Vậy:

- a) Bán kính của hình tròn đó là dm.
- b) Chu vi của hình tròn đó là dm.
- c) Diện tích của hình tròn đó là dm².

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) $7,28 \times 10 = 72,8$
- b) $7,28 : 10 = 72,8$
- c) $0,9 \times 100 = 0,900$
- d) $0,9 : 100 = 0,009$

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức:

- a) $7,92 + 5,86 \times 4,5$
- b) $62,5 : (13,8 + 6,2)$

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $10,5\text{m} = \dots\dots\dots \text{cm}$
- b) $10,5\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

Bài 6. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

- a) $48,25 + 12,72 + 51,75 + 87,28$
- b) $0,087 + 1,123 + 0,913 + 0,877$

Bài 7. Một hình thang có đáy lớn 6,5cm; đáy bé 4,8cm và chiều cao 3,5cm. Tính diện tích của hình thang đó. Bài giải

Bài 8. Bác Hai mua một con cá nặng 1,5kg hết 54000 đồng. Bác Ba cũng mua một con cá loại đó có cân nặng 1,2kg. Hỏi bác Ba phải trả bao nhiêu tiền ?

Bài 9. Lớp 5A quyên góp được 45 quyển sách. Lớp 5B quyên góp được số sách bằng $\frac{4}{5}$ số sách của lớp 5A. Số sách của lớp 5C nhiều hơn một nửa số sách của lớp 5B 8 quyển. Hỏi cả ba lớp quyên góp được bao nhiêu quyển sách?

2. Đề ôn tập Toán lớp 5 - đề số 2

Bài 1. Một hình tròn có đường kính là 7,2dm. Vậy:

- a) Bán kính của hình tròn đó là 3,6 dm.
- b) Chu vi của hình tròn đó là 22,608 dm.
- c) Diện tích của hình tròn đó là 40.6944 dm².

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

- a) $7,28 \times 10 = 72,8$ Đ
- b) $7,28 : 10 = 72,8$ S
- c) $0,9 \times 100 = 0,900$ S
- d) $0,9 : 100 = 0,009$ Đ

Bài 3: Tính giá trị của biểu thức :

- a) $7,92 + 5,86 \times 4,5 = 7,92 + 10,36 = 18,28$
- b) $62,5 : (13,8 + 6,2)$

Bài 4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 10,5m = 1050 cm
- b) 10,5m² = 105000 cm²

Bài 5

- a) Hình bên có tất cả 8 hình vuông.
- b) Hình bên có tất cả 10 hình chữ nhật.

Bài 6: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

- a) $48,25 + 12,72 + 51,75 + 87,28$
 $= (48,25 + 51,75) + (12,72 + 87,28)$
 $= 100 + 100 = 200$
- b) $0,087 + 1,123 + 0,913 + 0,877$
 $= (0,087 + 0,913) + (1,123 + 0,877)$
 $= 1 + 2$
 $= 3$

Bài 7: Bác Hai mua 1 kg cá thì cần số tiền là: $54000 : 1,5 = 36000$ (đồng)

Bác Hai mua 1,2 kg cá thì cần số tiền là:

$$36000 \times 1,2 = 43200 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 43200 đồng

Bài 8: Lớp 5B quyên góp được số quyển sách là: $45 \times \frac{4}{5} = 36$ (quyển)

Lớp 5C quyên góp được số quyển sách là: $36 : 2 + 8 = 26$ (quyển)

Cả 3 lớp quyên góp được số quyển sách là: $45 + 36 + 26 = 107$ (quyển)

Đáp số: 107 quyển

3. Đề ôn tập Toán lớp 5 - đề số 3

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Chữ số 5 trong số 2,953 thuộc hàng nào?

A. Hàng chục B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

2. Chữ số 8 trong số thập phân 32,879 có giá trị là : A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{1000}$ D. 800

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Tỉ số phần trăm của hai số 7,5 và 25 là

b) 40,5% của 200 là

c) Biết 8% của số x là 2,4. Vậy số x là

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $12,89 > 12,9$ b) $34,725 < 34,73$ c) $3,9 = 3,09$ d) $27,99 > 28,11$

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức : a) $43,2 : 12 \times 0,5 + 4,789$ b) $50 - 3,4 \times (87 : 25)$

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4km 360m = km b) 3ha 400m² = ha

Bài 6. Tìm các số tự nhiên x, biết : a) $x < 3,001$ b) $10,99 < x < 14,99$

Các số tự nhiên x cần tìm là Các số tự nhiên x cần tìm là

Bài 7. Lan mua 3 bịch bánh hết số tiền là 19500 đồng. Hỏi Bình mua 12 bịch bánh loại đó hết bao nhiêu tiền ?

Bài giải

Bài 8. Tổng của hai số là 48,72. Hiệu của hai số đó là 13,32. Tìm hai số đó. Bài giải Bài 10.

Tìm x, biết: $460 : x : 0,4 = 92$

4. Đề ôn tập Toán lớp 5 - đề số 4

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Chữ số 5 trong số 2,953 thuộc hàng nào?

Chọn C. Hàng phần trăm

2. Chữ số 8 trong số thập phân 32,879 có giá trị là : Chọn A. $\frac{8}{10}$

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Tỷ số phần trăm của hai số 7,5 và 25 là: $7,5 : 25 = 0,3 = 30\%$

b) 40,5% của 200 là: $200 : 100 \times 40,5 = 81$

c) Biết 8% của số x là 2,4. Vậy số x là $2,4 : 8 \times 100 = 30$

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $12,89 > 12,9$ S

b) $34,725 < 34,73$ Đ

c) $3,9 = 3,09$ S

d) $27,99 > 28,11$ S

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức :

a) $43,2 : 12 \times 0,5 + 4,789$

$= 3,6 \times 0,5 + 4,789$

$= 1,8 + 4,789$

$= 6,589$

b) $50 - 3,4 \times (87 : 25)$

$= 50 - 3,4 \times 3,48$

$= 50 - 11,832 = 38,168$

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $4\text{km } 360\text{m} = 4,36 \text{ km}$

b) $3\text{ha } 400\text{m}^2 = 3,04 \text{ ha}$

Bài 6. Tìm các số tự nhiên x, biết :

a) $x < 3,001 \Rightarrow x$ là các số 0; 1; 2; 3.

b) $10,99 < x < 14,99$ x là các số 11; 12; 13; 14.

Bài 7. Lan mua 3 bịch bánh hết số tiền là 19500 đồng. Hải Bình mua 12 bịch bánh loại đó hết bao nhiêu tiền ?

Bài giải

Mua một bịch bánh hết số tiền là: $19500 : 3 = 6500$ (đồng)

Mua 12 bánh loại đó hết số tiền là: $6500 \times 12 = 78000$ (đồng)

Đáp số: 78000 đồng

Bài 8. Tổng của hai số là 48,72. Hiệu của hai số đó là 13,32. Tìm hai số đó.

Bài giải Số bé là : $(48,72 - 13,32) : 2 = 17,7$

Số lớn là : $48,72 - 17,7 = 31,02$ Đáp số: Số bé : 17,7 Số lớn: 31,02

Bài 9. Tìm x, biết: $460 : x : 0,4 = 92$ $460 : x = 92 \times 0,4$ $460 : x = 36,8$ $x = 460 : 36,8$ $x = 12,5$

5. Đề ôn tập Toán lớp 5 - đề số 5

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Biết $79,462 = 70 + 9 + 0,4 + \dots + 0,002$.

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là : A. 6 B. 60 C. 0,06 D. 0,60

2. Số nào bé nhất trong bốn số 0,395 ; 0,48 ; 0,3 ; 0,359 ? A. 0,395 B. 0,3 C. 0,48 D. 0,359

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Một hình tam giác có diện tích là $7,2\text{dm}^2$, chiều cao là $3,6\text{dm}$. Độ dài đáy của hình tam giác đó là dm.

b) Một hình tam giác có diện tích là 40cm^2 , độ dài đáy là 10cm . Chiều cao của hình tam giác đó là cm.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) $3,6 + 12 = 4,8$

b) $3,6 + 12 = 15,6$

c) $40 - 3,2 = 36,8$

d) $40 - 3,2 = 0,8$

Bài 4. Đặt tính rồi tính :

a) $5,734 + 77,09$

b) $47,7 - 38,19$

c) $19,5 \times 3,04$

d) $21,924 : 2,7$

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $4,25\text{ tạ} = \dots\dots\dots\text{ tạ} \dots\dots\dots\text{ kg}$

b) $10,05\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ dm}^2 \dots\dots\dots\text{ mm}^2$

Bài 6. Tính bằng cách thuận tiện nhất : a) $0,2 \times 7,97 \times 5$ b) $2,4 \times 0,25 \times 40$

Bài 7. Một người gửi tiết kiệm 20 000 000 đồng với lãi suất 0,6% mỗi tháng. Hỏi sau một tháng người đó nhận được bao nhiêu tiền lãi ? Bài giải

Bài 8. Một vườn cây có tất cả là 120 cây cam và bưởi. Số cây bưởi bằng số cây cam. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây bưởi, bao nhiêu cây cam ?

Bài 9. Một hình vuông có chu vi 10dm và có diện tích bằng diện tích của một hình tam giác có cạnh đáy 5dm . Tính độ dài chiều cao của hình tam giác đó.